

A. PHẠM VI KIẾN THỨC

I. Đại số

- Tập hợp Q các số hữu tỉ.
- Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ.
- Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.
- Thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc.
- Biểu diễn thập phân của số hữu tỉ.
- Số vô tỉ. Căn bậc hai số học.

II. Hình học

- Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương.
- Hình lăng trụ đứng tam giác. Hình lăng trụ đứng tứ giác.
- Góc ở vị trí đặc biệt.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm:

1. Đại số:

Câu 1: Số đối của số hữu tỉ $-0,25$ là:

- A. $-0,25$. B. $\frac{-1}{4}$ C. -4 . D. $0,25$

Câu 2: Trong các số sau, số nào là số hữu tỉ âm?

- A. $\frac{0}{-2}$. B. $-\frac{1}{2}$. C. $\frac{-(-2)}{3}$. D. $\frac{-2}{-1}$.

Câu 3: Tập hợp Q bao gồm:

- A. số hữu tỉ dương và số 0. B. số hữu tỉ âm và số hữu tỉ dương.
C. số hữu tỉ âm, số 0 và số hữu tỉ dương. D. số hữu tỉ âm và số 0.

Câu 4: Khi biểu diễn số hữu tỉ a và b trên trục số nằm ngang ta thấy điểm a nằm bên phải điểm b thì

- A. $a < b$. B. $a > b$. C. $a = b$. D. $a = -b$

Câu 5: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. $\frac{-4}{9} \in N$. B. $\frac{-4}{9} \in Z$. C. $\frac{-4}{9} \in Q$. D. $\sqrt{\frac{-4}{9}} \in Q$

Câu 6: Với x, y, z là ba số hữu tỉ bất kì, sau khi bỏ ngoặc ta được $x - (y + z)$ bằng

- A. $x - y + z$. B. $x - y - z$. C. $x + y - z$. D. $x + y + z$.

Câu 7: Số 0,5 và số hữu tỉ nào sau đây có cùng điểm biểu diễn trên trục số

- A. $\frac{-1}{2}$. B. $\frac{1}{-2}$. C. $\frac{0}{5}$. D. $\frac{-1}{-2}$.

Câu 8: Giá trị của lũy thừa $(-3)^3$ bằng

- A. 9 B. -27 C. -9 D. 27

Câu 9: Căn bậc hai số học của 4 là:

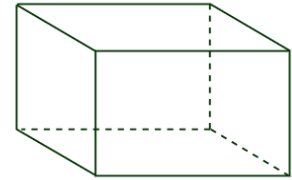
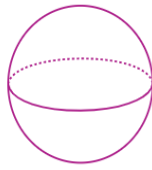
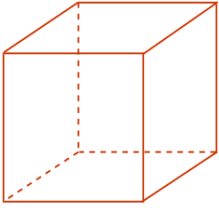
- A. 2 B. -2 C. 16 D. -16

Câu 10: Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. 2 B. $\sqrt{12}$ C. $-3,6$ D. $\frac{-3}{-4}$

2. Hình học:

Câu 1. Hình nào sau đây là hình lập phương?



A.

B.

C.

D.

Câu 2. Hình lập phương có mấy mặt?

A. 6

B. 5

C. 4

D. 7

Câu 3. Cho hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$.

Mặt phẳng nào sau đây không là mặt của hình hộp chữ nhật?

A. mặt phẳng $ABCD$

B. mặt phẳng $CC'D'D$

C. mặt phẳng $ABB'A'$

D. mặt phẳng $ABC'D'$

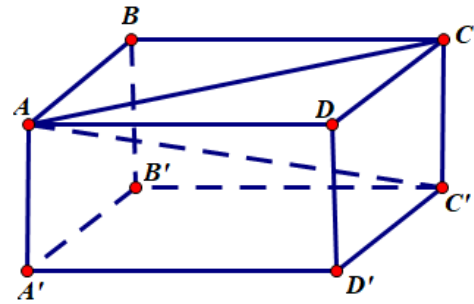
Câu 4. Đây là đường chéo của hình lập phương $ABCD.A'B'C'D'$

A. AC

B. $A'B'$

C. AC'

D. DC



Câu 5. Khẳng định nào sau đây đúng?

A. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tứ giác là hình chữ nhật.

B. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tam giác là các hình tam giác.

C. Hình lăng trụ đứng tam giác có năm mặt bên.

D. Hình lăng trụ đứng tam giác có bốn mặt bên.

Câu 6. Độ dài một cạnh bên của hình lăng trụ đứng gọi là gì?

A. Cạnh bên

B. Chiều cao

C. Chiều rộng

D. Chiều dài

Câu 7. Hình nào sau đây có dạng hình lăng trụ đứng?



Hình 1

A. Hình 2



Hình 2

B. Hình 1



Hình 3

C. Hình 3



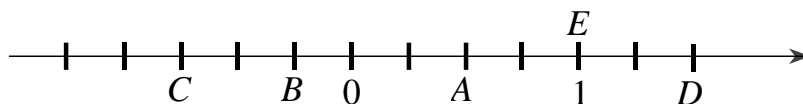
Hình 4

D. Hình 4

II. Tự luận:

1. Đại số:

Bài 1. Quan sát trục số và cho biết các điểm A ; B ; C ; D ; E biểu diễn những số hữu tỉ nào?



Bài 2. Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể):

a) $0,2 + \frac{-5}{13}$

b) $\frac{-1}{21} + \frac{-1}{28}$

c) $\left(\frac{1}{2}\right)^2 - \frac{3}{8} : \frac{-9}{2}$

d) $\left(\frac{-1}{3}\right)^2 : \frac{5}{9} + (-1)^3$

e) $\frac{-3}{17} \cdot \frac{2}{3} + \frac{2}{3} \cdot \frac{-14}{17}$

f) $\frac{3}{7} \cdot \frac{5}{8} + \frac{3}{7} \cdot \frac{11}{8} + \frac{11}{7}$

g) $\sqrt{25} - 2 \cdot (-3)^3 + \sqrt{100}$

h) $\sqrt{64} + 5 \cdot (-3)^2 - \sqrt{49}$

Bài 3. Tìm số hữu tỉ x biết:

a) $x + \left(-\frac{2}{5}\right) = \frac{-2}{15}$

b) $3\frac{3}{10} - x = 0,9$

c) $\frac{3}{8} - \left(\frac{1}{2} - x\right) = \frac{5}{4}$

d) $\frac{-7}{12} + \left(\frac{1}{4} + x\right) = \frac{2}{3}$

e) $x^2 - \frac{49}{64} = 0$

f) $5 - x^2 = 1.$

Bài 4. Bạn Minh đến một cửa hàng để mua một chiếc vợt cầu lông. Tại cửa hàng, chiếc vợt có giá niêm yết là 360 nghìn đồng (đã bao gồm cả thuế VAT). Để tăng số lượng bán được, cửa hàng quyết định giảm giá 10% của giá niêm yết. Tính số tiền bạn Minh phải trả khi mua chiếc vợt đó.**Bài 5*.** Tính nhanh tổng sau:

a) $A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{98.99} + \frac{1}{99.100}$

b) $C = \frac{2}{1.3} + \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \dots + \frac{2}{99.101}$

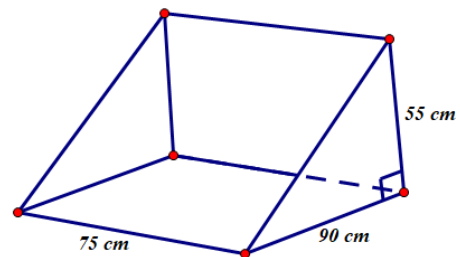
Bài 6*. Tính giá trị biểu thức (thu gọn các tổng sau):

a) $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{2017}$

b) $B = 1 + 3^2 + 3^4 + \dots + 3^{2018}$

2. Hình học:**Bài 1.** Một bể cá hình hộp chữ nhật có kích thước rộng 30cm, dài 40cm, cao 30cm.

- Hỏi bể đựng được tối đa bao nhiêu lít nước
- Tính diện tích xung quanh bể.

Bài 2. Cho hình lập phương có diện tích một mặt bên là 81 cm^2 . Tính thể tích của hình lập phương?**Bài 3.** Thùng đựng bằng thép của một máy cắt cỏ có dạng lăng trụ đứng tam giác (hình vẽ).

- Tính thể tích của thùng.
- Tính diện tích thép cần để làm thùng đựng cỏ (giả sử lượng thép làm các mối nối là không đáng kể)

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

- Trình bày được đặc trưng của VB truyện tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ 4 chữ, 5 chữ
- Chỉ ra được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các văn bản.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Bài 1: Tiểu thuyết và truyện ngắn.

- Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhân vật, ngôi kể, ...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, ...) của văn bản.

Bài 2: Thơ bốn chữ, năm chữ.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ, năm chữ (số tiếng ở mỗi dòng, vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; ...) và những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua bài thơ.

II. Phần tiếng Việt

- Nhận biết và giải nghĩa từ
- Nhận diện từ láy, từ ghép
- Phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, câu hỏi tu từ, ...

III. Phần tập làm văn.

Dạng 1: Viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

Dạng 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

<i>Chót trên cành cao vót</i>	<i>Cứ như thế trên trời</i>	<i>Một ngày một lớn hơn</i>
<i>Mấy quả sấu con con</i>	<i>Giữa vô biên sáng <u>nắng</u></i>	<i>Nấn từng vòng nhựa một</i>
<i>Như mấy chiếc khuy lục</i>	<i>Mấy chú quả sấu non</i>	<i>Một sắc nhựa chua giòn</i>
<i>Trên áo trời xanh non.</i>	<i>Giống cả cùng mây trắng</i>	<i>Ôm đong tròn quanh hạt...</i>
<i>Trời rộng lớn muôn trùng</i>	<i>Mấy hôm trước còn hoa</i>	<i>Trái non như thách thức</i>
<i>Đóng khung vào cửa sổ</i>	<i>Mới thơm đây ngào ngạt,</i>	<i>Trăm thứ giặc, thứ sâu,</i>

Làm mấy quả sấu tơ Thoáng như một nghi ngờ, Thách kẻ thù sự sống
Càng nhỏ xinh hơn nữa. Trái đã liền có thật. Phá đời không dễ đâu!

Trái con chưa đủ nặng Ôi! từ không đến có Chao! cái quả sấu non
Để đeo oằn nhánh cong. Xây ra như thế nào? Chưa ăn mà đã giòn,
Nhánh hãy giơ lên thẳng Nay má hây hây gió Nó lớn như trời vậy,
Trông ngây thơ lạ lùng. Trên lá xanh rào rào Và sẽ thành ngọt ngon.

(Trích trong tập “Tôi giàu đôi mắt” (1970), trong “Những tác phẩm thơ tiêu biểu và nổi tiếng”, Xuân Diệu)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

- A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Bảy chữ D. Tám chữ

Câu 2: Trong bốn khổ thơ đầu, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

- A. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh.
B. Những quả sấu non nhỏ nhất, bóng bẩy và xinh xắn.
C. Những quả sấu non xanh ròn, lại vô cùng đáng yêu.
D. Những quả sấu non như chiếc quả bóng nhỏ nhắn.

Câu 3: Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ “*Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

- A. Vì chúng ở trên cao nên càng nhỏ dần.
B. Vì chúng là những quả sấu non.
C. Vì chúng chưa lớn vẫn còn xanh non nên sẽ nhỏ xinh.
D. Vì chúng là “*khuy lục*” của áo trời mà trời thì rộng lớn.

Câu 4: Từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

- A. Vui B. Đùa C. Chơi D. Nghịch

Câu 5: Tác giả có cảm xúc như thế nào khi nhận ra sự sinh thành từ hoa đến trái của quả sấu?

- A. Vui sướng, hân hoan B. Xúc động, phấn chấn
C. Ngạc nhiên, thích thú D. Phấn khởi, vui vẻ

Câu 6: Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

- A. Miêu tả quả sấu non trên cao.
B. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.
C. Miêu tả quả sấu non sức sống rục rờ của quả sấu.

D. Miêu tả quả sấu non và sức sống kì diệu của nó.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 7: Chỉ rõ và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau:

*Trái non như thách thức
Trăm thứ giặc, thứ sâu,
Thách kẻ thù sự sống
Phá đời không dễ đâu!*

Câu 8: Qua bài thơ, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

ĐỀ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

<i>Mưa rơi tí tách</i>	<i>Mưa nâng cánh hoa</i>
<i>Hạt trước hạt sau</i>	<i>Mưa gọi chồi biếc</i>
<i>Không xô đẩy nhau</i>	<i>Mưa rửa sạch bụi</i>
<i>Xếp hàng lần lượt</i>	<i>Như em lau nhà.</i>

<i>Mưa vẽ trên sân</i>	<i>Mưa rơi, mưa rơi</i>
<i>Mưa dàn trên lá</i>	<i>Mưa là bạn tôi</i>
<i>Mưa rơi trắng xóa</i>	<i>Mưa là nốt nhạc</i>
<i>Bong bóng phập phồng</i>	<i>Tôi hát thành lời...</i>

(Trích Mưa, Nguyễn Diệu, Thư viện thơ, 2019)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Bài thơ “Mưa” thuộc thể thơ gì?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Lục bát D. Tự do

Câu 2. Khổ thơ thứ hai được ngắt nhịp như thế nào?

A. Nhịp 1/3 B. Nhịp 2/1 C. Nhịp 2/2 D. Nhịp 2/3

Câu 3. Đối tượng nào được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ?

A. Cánh hoa B. Hạt mưa C. Chồi biếc D. Chiếc lá

Câu 4. Xác định chủ đề của bài thơ “Mưa”.

A. Tình yêu thiên nhiên B. Tình yêu đất nước

C. Tình yêu quê hương D. Tình yêu gia đình

Câu 5. Tác giả đã dành tình cảm gì đối với mưa?

A. Yêu quý, trân trọng B. Hờ hững, lạnh lùng

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 6. Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất của đoạn trích.

Câu 7. Từ những lợi ích của mưa, em hãy nêu ít nhất 2 biện pháp để bảo vệ môi trường trong sạch.

ĐỀ 3**Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:**

“Ngày tôi ra đời, bà mẹ hỏi bố:

- Đặt tên cậu ấm là gì nào?

Cậu ấm có nghĩa là một cậu bé sung sướng. Bà muốn tôi được sung sướng.

Bố tôi choàng dậy:

- Ừ nhỉ, sao tôi quên khuấy mất. Tôi cứ tưởng tượng về nó mãi, đâm quên.

Theo bố tôi, cái tên quan trọng lắm. Bởi nó là cái tiếng đẹp đẽ nhất mà người ta sẽ gọi trong suốt cuộc đời một đứa trẻ. Đứa trẻ này khác với đứa trẻ kia trước tiên là một cái tên. Khi nhớ một cái tên tức là ta nhớ về một con người có cái tên đó. Không gì tuyệt diệu hơn khi mình gọi tên người thân của mình. Mẹ là cái tên chung cho tất cả những ai làm mẹ. Khi ai đó gọi mẹ ơi, tức mình hiểu người phụ nữ đó đã làm và yêu thương những công việc giống mẹ mình. Mẹ cũng là một cái tên đẹp nhất, bao giờ cũng dịu dàng. Một người tên Dũng, mình sẽ nghĩ không phải là con gái. Người tên Loan, sẽ không phải là con trai. Khi mình lớn, cái tên vẫn đi theo. Mình sẽ giữ nó như một kỷ niệm về người bố và người mẹ. Đó cũng là tình cảm ưu ái mà bố mẹ muốn dành cho.

Bố tôi nói với bà mẹ:

- Tôi muốn nó một cái tên thật hùng dũng.

- Vậy tên Dũng nhé!

- Tôi muốn nó phải thông minh nữa.

- Vậy thì Trí Dũng.

- Tôi còn muốn nó phải có hiếu nữa kia.

Và cuối cùng cái tên của tôi cũng được đặt xong. Một cái tên thật dài nhưng tôi luôn nhớ.

Bố tôi nói:

- Không có gì đẹp bằng cái tên của mình. Một cái tên là một tình thương lớn.

Bạn tên gì vậy? Có khi nào bạn hỏi bố mẹ tại sao bạn lại có cái tên đó không? Tôi tin rằng bạn sẽ được nghe một câu chuyện thật dài về nó. Đó là một bí mật về bạn. Một bí mật mà chỉ bố và mẹ bạn biết. Và chỉ khi đó bạn mới biết tại sao một cái tên lại là một tiếng nói đẹp đẽ nhất.”

(Trích Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ- Nguyễn Ngọc Thuần)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2. Nhân vật “bố” trong văn bản trên được khắc họa chủ yếu thông qua phương diện nào?

- A. Cử chỉ B. Lời nói C. Ngoại hình D. Hành động

Câu 3. Xét về cấu tạo, từ “hùng dũng” thuộc loại nào?

- A. Từ đơn B. Từ láy C. Từ ghép

Câu 4. Vì sao người bố cho rằng cái tên của mỗi người rất quan trọng?

- A. Vì tên sẽ theo suốt cuộc đời mỗi người và chứa đựng tình yêu của bố mẹ.
B. Vì tên dùng để gọi và để phân biệt giữa người này với những người khác.
C. Vì tên phải nhờ bà mẹ đặt và đặt rồi không bao giờ thay thế được nữa.
D. Vì tên sẽ quyết định số phận của một đứa con và rất khó đổi được.

Câu 5. Người bố muốn đặt cho con mình một cái tên như thế nào?

- A. Một cái tên độc đáo, không giống ai.
B. Một cái tên khi được đọc lên nghe vô cùng êm ái, dịu dàng.
C. Một cái tên chứa đựng nhiều mong ước của bố đối với con.
D. Một cái tên ngắn gọn và dễ nhớ nhất.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 6. Theo em, thông qua việc đặt tên, người bố đã dành cho con những tình cảm nào?

Câu 7. Văn bản trên đã gửi đến người đọc những thông điệp nào?

ĐỀ 4

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Chiều qua tôi đến khu nữ sinh để đưa cho cô giáo của em Xinvina bài chép về truyện cậu bé thành Padôva mà cô muốn đọc. Trong khu có đến bảy trăm nữ sinh. Lúc tôi đến thì học trò bắt đầu ra về, ai nấy đều vui vẻ được nghỉ học một đợt vào những ngày đầu tháng mười một.

Trước cổng trường, bên kia đường phố, một cậu bé nọ ổng khóm đang đứng, tay tựa vào tường, đầu gục vào tay. Người cậu đen ngòm những bờ hóng, cũng như cái bị, mấy cái chổi và

cái nạo của cậu, và cậu khóc nức nở, nảo nuốt quá chừng.

Hai ba nữ sinh lớp hai lại gần, hỏi cậu tại sao mà khóc như vậy. Nhưng cậu bé nạo ổng khói không trả lời, và cứ khóc mãi. Các bạn nữ sinh lại hỏi:

- Kia, nói đi, bạn làm sao vậy? Tại sao bạn khóc?

Cậu bé bỏ cánh tay xuống, để lộ một gương mặt trông hết sức hiền hậu, và kể lại việc đi nạo mấy ổng khói, được số tiền cộng lại là ba hào, nhưng chẳng may rơi mất, vì vô ý bỏ vào cái túi áo thùng. Cậu bé tội nghiệp không dám trở về nhà chủ vì sợ bị đánh. Nói rồi, cậu lại càng khóc thảm thiết hơn, đầu gục vào cánh tay như một kẻ tuyệt vọng.

Các nữ sinh nhìn nhau, vẻ mặt rất nghiêm chỉnh; một số nữa cũng kéo đến, bé có, lớn có, con em những công nhân nghèo cũng như con nhà giàu, tay ôm cặp sách. Một nữ sinh vào loại lớn, đội cái mũ có cắm chiếc lông chim xanh, lấy hai đồng xu trong túi ra và nói:

- Mình chỉ có hai xu, chúng ta hãy góp nhau lại.

- Mình cũng có hai xu đây, - một cô bé mặc áo đỏ nói.

- Thế nào tất cả chúng ta cũng kiếm đủ ba hào!

Thế là các nữ sinh lên tiếng gọi:

-Amêlia, Luighia, Anna, một xu nhé. Ai có xu đưa đây!

Một vài cô mang tiền đi mua hoa. Họ liền vội vàng đem tiền đến. Cô nữ sinh đội mũ cắm lông Kanh, thu tiền và lên tiếng đếm:

- Tám, mười, mười lăm xu! Chưa đủ, phải thêm nữa!

Một chị con gái, hình như là phụ giáo, đi tới và cho một hào. Tất cả nữ sinh tíu tít hoan nghênh chị.

- Thế là chỉ còn thiếu năm xu nữa thôi? Kia, các chị lớp bốn đang tới kìa, họ có tiền đấy - một em bé nói.

Lớp bốn tới nơi, tiền lại càng nhiều. Các bạn nữ sinh xúm quanh cậu bé nạo ổng khói; và thật là thích mắt nhìn cái cảnh cậu bé đen ngòm, hiền hậu, ở giữa đám nữ sinh xinh xắn, đáng yêu, mặc áo đủ màu, tóc xõa phất phới, người cắm lông chim tươi màu, kẻ thắt ruy băng bằng lụa. Số tiền ba hào đã đủ, nhưng xu vẫn tiếp tục đổ ra như mưa. Những em bé không có tiền, cũng lách qua giữa các chị lớn, đem cho những chùm hoa nho nhỏ, gọi là cũng giúp phần mình. Bỗng bác gác cổng chạy tới, nói to: “Bà hiệu trưởng đến”. Tức thì các nữ sinh bỏ chạy tứ tung như một đàn chim sẻ.

Cậu bé nạo ổng khói còn lại một mình trên đường phố, đứng lau nước mắt. Không những hai tay cậu đầy cả xu mà các bạn nữ sinh còn luồn vào khuyết áo của cậu đút vào túi áo, và cả trong mũ của cậu không biết bao nhiêu là chùm hoa nho nhỏ.

(Trích Những tấm lòng cao cả- Ét-môn đơ- Amixi)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Đề tài của văn bản trên là gì?

A Người nông dân B. Trẻ em C. Người lính D. Công nhân

Câu 2. Văn bản trên sử dụng ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất số ít B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất số nhiều

Câu 3. Nhân vật chính trong văn bản trên là ai?

- A. Nhân vật tôi
B. Cậu bé nạo ống khói
C. Cô học trò lớp hai
D. Bà hiệu trưởng

Câu 4. Ở phần cuối văn bản, cậu bé nạo ống khói có tâm trạng, cảm xúc gì?

- A. Sợ hãi, lo âu
B. Buồn bã, chán nản
C. Đau khổ, tuyệt vọng
D. Sung sướng, hạnh phúc

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 5. Trong văn trên em thích chi tiết nào nhất? Hãy nêu lý giải về sự lựa chọn của mình.

Câu 6. Văn bản trên đã gửi đến người đọc những thông điệp nào?

DẠNG 2: VIẾT

Đề 1: Viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

Đề 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

-----**HẾT**-----

REVISION FOR THE MIDTERM TEST – SEMESTER 1 - GRADE 7

A. VOCABULARY: Units: 1-3

- Hobbies, action verbs.
- Health problems, healthy activities and health tips.
- Community activities

B. PRONUNCIATION

- **Sounds:** /ə/, /ɜ:/, /v/, /f/, /t/, /d/, /id/

C. GRAMMAR:

1. Present simple

Form

* **To be (am/is/are)**

(+) S + am/is/are + ... (-) S + am/is/are + not + ... (?) Am/Is/Are + S + ...? - Yes, S + am/is/are. - No, S + am not/isn't/aren't.	S là: - I + am - He/She/It/ Danh từ số ít, ko đếm được + is - We/You/They/Danh từ số nhiều + are + Dạng rút gọn: is not = isn't ; are not = aren't I am = I'm She is = She's We are = We're không dùng trong câu trả lời "Yes"
---	---

* **Ordinary verbs (động từ thường)**

(+) S + V/V _{s/es} (-) S + do not / does not + V (?) Do/Does + S + V ? - Yes, S + do/does - No, S + don't/doesn't.	S là: - I/ We/You/They/Danh từ số nhiều + V - He/She/It/ Danh từ số ít, ko đếm được + V_{s/es} + Trợ động từ: - We/You/They/Danh từ số nhiều + Do - He/She/It/ Danh từ số ít, ko đếm được + Does + Dạng rút gọn: do not = don't ; does not = doesn't
---	--

* Signal words (dấu hiệu) – Always (luôn luôn) , constantly – Often (thường), usually , frequently (thường xuyên) – Sometimes , occasionally (thỉnh thoảng) – Seldom, rarely (hiếm khi, ít khi) - Never (không bao giờ) – Every day(hàng ngày)/ week/ ... - Once a week/ a month/ a year Twice a week/ a month/ a year Three times a week a month/ a year	* Quy tắc thêm “s” hoặc “es” vào sau động từ: Thông thường ta thêm “s” vào sau đa số các động từ run -> runs Thêm “es” vào sau các động từ tận cùng bằng : -o, -x, -s, -z, -sh, -ch to go -> goes. Động từ tận cùng bằng một phụ âm + “y”, đổi “y” thành “ies” : study -> studies. Lưu ý: Động từ tận cùng bằng một nguyên âm (u,e,o,a,i) + “y”, chỉ thêm s vào sau động từ: say -> says ; play -> plays
--	--

2. Past simple

* **To be**

(+) S + was/ were + ... (-) S + was/ were + not + ... (?) Was/ Were + S + ...? Yes, S+ was/ were. No, S + was/ were + not.	* Note: + was not = wasn't ; were not = weren't + S là: I/ He/She/It / DT số ít + ' WAS' + S là: We/ You/ They/ DT số nhiều + ' WERE'
--	---

* **Ordinary verbs (động từ thường)**

(+) S + V _{-ed} / V ₂ (-) S + did not + V (?) Did + S + V ? - Yes, S + did. - No, S + didn't.	* Note: - V: Động từ nguyên thể - V-ed : Động từ có đuôi 'ed' - V ₂ : Động từ bất quy tắc cột 2 (trong bảng động từ BQT) - did not = didn't
---	---

* Signal words (dấu hiệu) - this morning (sáng nay) - Yesterday (ngày hôm qua), yesterday morning, yesterday afternoon - last week (tuần trước), last month, last year, ... - two days ago , three weeks ago, some years ago, ...(ago: cách đây) - in the past (trong quá khứ), in 2015, in 1980s, ...	* Quy tắc thêm "-ed" vào sau động từ: - Hầu hết các động từ theo quy tắc được thêm trực tiếp đuôi -ed vào cuối work - worked ; clean - cleaned - Với những động từ kết thúc bằng e ta chỉ việc thêm d . dance - danced hope - hoped - Với những động từ kết thúc bằng phụ âm + y ta đổi y thành i rồi mới thêm -ed . study - studied - Với những động từ 1 âm tiết kết thúc bằng phụ âm + nguyên âm + phụ âm , ta gấp đôi phụ âm cuối trước khi thêm -ed . plan - planned rob - robbed - Với những động từ có nhiều hơn 1 âm tiết, âm tiết cuối cùng kết thúc bằng phụ âm + nguyên âm + phụ âm và là âm tiết nhận trọng âm, ta cũng gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm -ed . prefer - preferred regret - regretted Chú ý: + Ta không nhân đôi phụ âm cuối nếu trước nó là 2 nguyên âm boil - boiled (luộc) + Ta không nhân đôi y hay w khi chúng ở cuối từ play - played bow - bowed
---	---

3. Verbs of liking and disliking

Like/ Love / Enjoy/ Hate (not like) + V-ing

Eg: *I like going to the movies.*

She hates doing the housework.

* **Some other verbs + V-ing:**

- fancy (v): yêu thích, mến
- detest (v): ghét cay ghét đắng
- dislike (v): không thích
- adore (v): mê, thích, yêu thiết tha.

D. EXERCISES

I. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

1. A. word B. work C. actor D. world
2. A. search B. early C. hear D. learn
3. A. girl B. expert C. open D. urn
4. A. control B. learn C. worst D. dessert
5. A. cough B. enough C. laugh D. through
6. A. night B. tough C. flight D. high
7. A. fat B. leaf C. of D. safe
8. A. paragraph B. although C. cough D. enough
9. A. tried B. obeyed C. cleaned D. asked
10. A. opened B. knocked C. played D. occurred
11. A. walked B. ended C. started D. wanted
12. A. needed B. booked C. stopped D. washed

II. Find the word that has different position of stress from the others.

1. A. mountain B. collect C. welcome D. problem
2. A. action B. tourist C. manner D. machine
3. A. dancer B. common C. relax D. shopping
4. A. provide B. begin C. control D. listen
5. A. flower B. donate C. member D. picture
6. A. model B. pottery C. gardening D. unusual
7. A. cartoon B. garden C. problem D. homeless
8. A. visit B. affect C. offer D. tutor

III. Choose the correct verb form or tense.

1. My cooking lesson _____ at 9 a.m. every morning.
A. start B. starts C. is starting D. started
2. _____ you _____ to school every morning?
A. Does - walk B. Do - walk C. Will - walk D. Are - walking
3. My parents _____ jogging every day. They only do it three times a week.
A. go B. doesn't go C. don't go D. not go
4. My sister likes _____ because she can play in the water and keep fit.
A. collecting B. shopping C. dancing D. swimming
5. He enjoys _____ cycling at the weekend.
A. to go B. going C. goes D. go
6. Her hobby is _____. She has a lot of glass bottles, dolls, and coins and keeps them in her room.
A. doing things B. making things C. collecting things D. breaking things
7. My grandparents don't like _____ in the city because it's noisy and crowded.
A. live B. lived C. living D. to living

8. We _____ spending time with Jane. She is very interesting.
A. enjoy B. hate C. dislike D. detest
9. Jake _____ making models. He never does it.
A. don't enjoy B. likes C. doesn't like D. adores
10. Anna _____ yoga every day to keep fit.
A. does B. takes C. goes D. plays
11. Hoa likes music. She often _____ to music in late evenings.
A. listen B. listening C. listens D. to listen
12. How much time do you spend _____ the Internet per day?
A. surf B. surfing C. to surf D. to be surfing
13. Rohan and Sania _____ to play card games.
A. doesn't like B. likes C. don't like D. aren't liking
14. Sophia _____ English very well.
A. speak B. speaks C. speaking D. not speak
15. If you want to _____ weight, you should follow a low-fat diet.
A. lose B. gain C. put on D. take
16. He looks so _____. He can't keep his eyes open!
A. happy B. tired C. healthy D. fit
17. My mum does exercise every day to _____ fit.
A. keep B. do C. take D. turn
18. He usually _____ jogging for half an hour before breakfast.
A. goes B. rides C. takes D. cycles
19. Playing sports is very good for our _____.
A. chapped lips B. suncream C. acne D. health
20. You should wear a hat and put on suncream to avoid _____.
A. skin B. fitness C. activity D. sunburn
21. Volunteer activities often include _____ money for people in need, cooking and giving food.
A. rising B. raising C. taking D. getting
22. Lan _____ her money to the poor children in her hometown.
A. gets B. receives C. donates D. steals
23. She wants to work in a _____ to care for old people.
A. theater B. museum C. supermarket D. nursing home
24. If you want to stay healthy, eat _____ fruit and vegetables.
A. much B. fewer C. more D. less
25. Her hands are red and _____ because of working outside all winter.
A. warm B. chapped C. healthy D. smooth
26. She _____ television at dinner time.
A. often doesn't watch B. don't often watch

C. doesn't often watch

D. don't watch often

27. Mary is interested _____ reading comic books.

A. in

B. by

C. on

D. from

28. We _____ to school yesterday.

A. doesn't go

B. don't go

C. didn't go

D. weren't go

29. You should not _____ your face with dirty hands.

A. catch

B. touch

C. take

D. put

30. Rob eats a lot of fast food and he _____ on weight.

A. takes

B. spends

C. puts

D. brings

31. We _____ very busy last week.

A. was

B. am

C. were

D. will be

32. In 2012, they _____ their project for street children.

A. started

B. are starting

C. start

D. have started

33. A: Do you think collecting things is easy?

B: _____

A. Yes, it's interesting.

B. Yes, I like it.

C. Yes, it's a piece of cake.

D. Yes, I know.

34. 'I think model making is an expensive hobby.' '_____'. It's incredibly cheap.'

A. You're right

B. Certainly

C. No matter

D. Not at all

35. Anna: What's the matter with you, Jane?

Jane: "_____."

A. Not much.

B. I feel very tired. Perhaps I have the flu.

C. You should see the doctor.

D. You're welcome.

IV. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following questions.

1. Ngoc is very **interested in** watching cartoon on TV.

A. fond of

B. fed up with

C. tired of

D. sick with

2. My sister really **likes** dancing.

A. hates

B. enjoys

C. dislikes

D. wants

3. Last winter, we **gave away** a lot of warm clothes to homeless people in Hanoi.

A. kept

B. presented

C. took

D. donated

4. What do you do in your **spare** time?

A. free

B. busy

C. working

D. final

V. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

1. Spend **less** time playing computer games.

A. little

B. more

C. most

D. least

2. He finds arranging flowers **cheap**.

- A. safe B. difficult C. dangerous D. expensive

3. Photography is not very **popular** among students in Vietnam.

- A. common B. uncommon C. exciting D. interesting

4. Rob **is really into** racket sports.

- A. dislikes B. likes C. hates D. detests

VI. Choose the underlined word/ phrase that needs correction in each of the following questions.

1. **Sitting** close **to** the laptop's screen **hurt** your **eyes**.

2. You can **avoid** many **diseases by eat** healthy food.

3. I **collect** a lot of **coins** when I **was** five **years** old.

4. **Eat** too **much** junk food **is** not good **for** your health.

5. She **enjoys to ride** her bike **to** the supermarket **in** her free time.

6. We **like doing** fishing **because** it is **relaxing**.

7. My dad **cooks** very **good** and he loves **preparing** meals **for** our family.

8. He **starts carving** eggshells **when** he **was** 4.

9. Phong **often doesn't play** computer **games in** his free time.

10. He can't **chews well because** he **has** a toothache now.

VII. Read the text carefully then choose the correct answers.

Maintaining a healthy body is not that easy and not so difficult also. Most important tip for a healthy body is to have healthy food and eat them at proper time. Avoid eating junk food. Your diet should contain food which has more nutrients. Try to include vegetables, fruits, milk, and fish in your daily diet. Make sure you are having your breakfast regularly. Skipping your breakfast regularly will definitely affect your health. Make sure you drink more amount of water daily. Regular exercise will also keep your body in good health. You can go for running, do cycling, walking faster etc. Apart from these always try to manage your stress. By controlling your stress you can maintain a healthy body. Your body should get enough time to take rest. Make sure you get a sleep of 8 hours daily. Sleep is very important for healthy body and also for mental and emotional happiness.

1. To have a healthy body, you should _____.

- A. eat junk food B. put on weight
C. have a healthy diet D. not consume nutrients

2. Skipping breakfast is _____ for your health.

- A. good B. bad C. necessary D. important

3. Which of the followings is not keep your body in good health?

- A. smoking B. cycling C. running D. jogging

4. Managing stress can help people _____.

- A. have a good body B. live longer
C. sleep enough time D. stay healthy

5. Which of the followings is NOT true?

- A. It's difficult to maintain a healthy body.

- B. Water is important for your health.
- C. Getting enough sleep can make you happier.
- D. Eating healthy and exercising are tips to stay healthy.

VIII. Read the passage again and choose the correct answer for each blank.

The first reason why many families do volunteer work is that they feel satisfied and proud. The feeling of fulfillment comes from helping the community and other people. In addition, volunteering is a great way for families to have fun and feel closer. But many people say they don't have time to volunteer because they have to work and take care of their families. If that's the case, try rethinking some of your free time as a family. You could select just one or two projects a year and make them a family tradition. For instance, your family can make and donate gift baskets for the old homeless people on holidays. Your family can also spend only one Saturday morning a month collecting rubbish in your neighbourhood.

1. How do people often feel when they volunteer?
 - A. They feel closer.
 - B. They feel funny.
 - C. They feel satisfied and proud.
 - D. They feel unhappy.
2. What do families benefit from doing volunteer work?
 - A. They feel closer and have fun.
 - B. They waste their free time.
 - C. They can make gift baskets
 - D. They can clean their neighbourhood.
3. Some people lack time to volunteer because _____.
 - A. They have to spend time collecting rubbish.
 - B. They have to work and look after their families.
 - C. They help the old homeless people.
 - D. They are busy with projects.
4. How can your family help the old homeless people?
 - A. Make baskets
 - B. Collect rubbish
 - C. Make and donate gift baskets
 - D. Spend time with them

IX. Read the passage, and then choose the best answers.

Each country has many good people who take care of others. For example, some of students in the United States often spend many hours as volunteers in hospitals, orphanages or homes for the elderly. They read books to the people in these places, or they just visit them and play games with them or listen to their problems.

Other young volunteers go and work in the homes of people who are sick or old. They paint, clean up, or repair their houses, do the shopping. For boys who don't have fathers, there is an organization called Big Brothers. College students and other men take these boys to basketball games or on fishing trips and help them to get to know things those boys usually learn from their fathers.

Each city has a number of clubs where boys and girls can go and play games. Some of these clubs show movies or hold short trip to the mountains, the beaches, museums, or other places of interest. Most of these clubs use a lot of students as volunteers because they are young enough to understand the problems of younger boys and girls.

1. What do volunteers usually do to help those who are sick or old in their homes?
 - A. They do the shopping, and repair or clean up their house.
 - B. They tell them stories and sing dance for them.
 - C. They cool, sew, and wash their clothes.

- D. They take them to basketball games.
- 2. What do they help boys whose fathers do not live with them?
 - A. To learn things about their fathers.
 - B. To get to know thing about their fathers.
 - C. To get to know things that boys want from their fathers.
 - D. To learn things that boys usually learn from their fathers.
- 3. Which activities are NOT available for the students at the clubs?
 - A. playing games
 - B. learning photography
 - C. going to interest places
 - D. watching films
- 4. Why do they use many students as volunteers? – Because _____.
 - A. they can understand the problems of younger boys and girls.
 - B. they have a lot of free time.
 - C. they know how to do the work.
 - D. they are good at playing games and learning new things.
- 5. Where don't students often do volunteer work?
 - A. hospitals
 - B. orphanages
 - C. clubs
 - D. homes for the elderly

X. Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions.

We need calories or (1).....to do the things every day. For example, when we walk to school or (2)a bike to school we spend a certain amount of calories and even when we sleep, we also use them. But how many calories should we spend a day to stay in shape? It's difficult for us to calculate. If people want to keep fit, they should remember that everyone should have between 1600 and 2500 calories a day.

We get calories (3)the food we eat. If we get too much food and don't take part in any activities, we can get fat quickly. So besides studying, we should do some (4)....., play sports or do the housework, such as cleaning the floor, cooking etc. If we don't eat enough, we will be (5).....and weak.

- 1. A. food B. energy C. drink D. wine
- 2. A. ride B. come C. drive D. walk
- 3. A. in B. of C. from D. at
- 4. A. exercise B. healthy C. swimming D. badminton
- 5. A. good B. tired C. thirsty D. strong

XI. Rewrite the sentences without changing their meaning.

- 1. Lan finds making models interesting.
→ **Lan likes**
- 2. Mary likes arranging flowers.
→ **Arranging flowers is**
- 3. Lucy likes reading books.
→ **Lucy's hobby**
- 4. My hobby is collecting stamps.
→ **I enjoy** collecting stamps.
- 5. My sister dislikes playing chess.
→ **My sister doesn't**
- 6. How about going to the cinema tonight?
→ **Let's**
- 7. Nam likes playing chess. His brother likes playing chess.
→ **Nam and his brother like**
- 8. Jane collects coins. She keeps them in a beautiful box.
→ **Jane collects and**

XII. Rewrite the sentences, using the word in the bracket.

1. They cancelled the match because the weather was bad. **(SO)**

→

2. The Americans eat a lot. They do not do enough exercise. **(but)**

→

3. I think climbing mountain is dangerous. **(FIND)**

→

4. You'll get fat. Be careful with what you eat and drink. **(OR)**

→

5. It's a good idea to do exercises in the morning. **(SHOULD)**

→

XIII. Rearrange the words to make meaningful sentences.

1. loves/ to play/ basketball/on/He/weekends/with/friends/his

→

2. He/ summer/ in/ climbing/ goes/ mountain/ the/ usually/.

→

3. Lisa/English/taught/the kids/to/in/area/the/.

→

4. plant/They/didn't/in/schoolyard/the/trees/.

→

5. some/We/food/donated/and vegetables/a/to/nursing home/.

→

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Phân môn Địa lí

- Bài 1: Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Âu.
- Bài 2: Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu.
- Bài 3: Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Âu.
- Bài 4: Liên minh châu Âu.

2. Phân môn Lịch sử.

- Bài 1: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu.
- Bài 2: Chủ đề chung 1. Các cuộc phát kiến địa lí.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

- Trắc nghiệm: 50%
- Tự luận: 50%

III. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.

Câu 2. Hãy trình bày đặc điểm phân hóa khí hậu ở châu Âu.

Câu 3. Cho bảng số liệu: **CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở CHÂU ÂU NĂM 2020 (%)**

Nhóm tuổi	Tỉ lệ
0 – 14 tuổi	16,1
15 – 64 tuổi	64,8
Từ 65 tuổi trở lên	19,1

- a. Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu năm 2020.
b. Từ biểu đồ đã vẽ hãy nêu nhận xét về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Âu.

Câu 4.

- a. Nêu một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở châu Âu.
b. Phát triển năng lượng tái tạo đã mang đến lợi ích gì cho châu Âu trong việc bảo vệ môi trường không khí?

Câu 5. Kể tên một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Liên minh châu Âu (EU).
Đánh giá tiềm năng hợp tác thương mại giữa EU và Việt Nam?

Câu 6. Em hãy trình bày đặc điểm của lãnh địa phong kiến ở Tây Âu.

Câu 7. Em hãy nêu vai trò của thành thị trung đại đối với xã hội phong kiến châu Âu.

Câu 8. Một hậu quả của phát kiến địa lí là dẫn đến làn sóng xâm lược thuộc địa và cướp bóc thực dân.
Em hãy tìm hiểu thêm và cho biết Việt Nam từng bị xâm lược và trở thành thuộc địa của nước nào?

Câu 9. Em hãy trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới và tác động của các cuộc phát kiến địa lí đến ngày nay.

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 5 bài:

Bài 1. Giới thiệu về trồng trọt

Bài 2. Làm đất trồng cây

Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng

Bài 4: Thu hoạch sản phẩm trồng trọt

Bài 5: Nhân giống vô tính cây trồng

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Trồng trọt có vai trò nào sau đây?

- A. Cung cấp trứng, sữa cho con người. B. Cung cấp nguyên liệu cho sản xuất muối ăn.
C. Cung cấp lương thực cho con người. D. Cung cấp thịt cho xuất khẩu.

Câu 2. Vai trò nào sau đây không phải của trồng trọt.

- A. Cung cấp rau xanh cho con người. B. Cung cấp gạo cho xuất khẩu.
C. Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. D. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến sữa.

Câu 3. Nhóm cây trồng nào sau đây đều là cây rau.

- A. Cà phê, lúa, ngô. B. Xu hào, cải bắp, cà chua.
C. Khoai lang, khoai tây, mía. D. Bông, cao su, cà phê.

Câu 4. Loại cây trồng nào sau đây thuộc nhóm hoa, cây cảnh.

- A. Cây lạc (đậu phụng). B. Mùng toi. C. Cây hoa hồng. D. Cây điều.

Câu 5. Nội dung nào sau đây mô tả đúng phương thức trồng trọt ngoài tự nhiên?

- A. Trên 25% công việc trong quy trình trồng trọt được tiến hành trong điều kiện tự nhiên.
B. Trên 50% công việc trong quy trình trồng trọt được tiến hành trong điều kiện tự nhiên.
C. Trên 75% công việc trong quy trình trồng trọt được tiến hành trong điều kiện tự nhiên.
D. Mọi công việc trong quy trình trồng trọt đều được tiến hành trong điều kiện tự nhiên.

Câu 6. Một trong những ưu điểm của phương thức trồng trọt trong nhà có mái che là:

- A. Tiến hành đơn giản. B. Chi phí đầu tư thấp.
C. Cây trồng không cần chăm sóc. D. Có thể trồng được rau trái vụ.

Câu 7. Một trong những nhiệm vụ của kĩ sư chọn giống cây trồng là

- A. Nghiên cứu tạo ra các loại phân bón mới.
B. Nghiên cứu tạo ra các loại thuốc trừ sâu mới.
C. Nghiên cứu tạo ra các loại giống cây trồng mới.
D. Nghiên cứu tạo ra các loại giống vật nuôi mới.

Câu 8. Bạn Huy rất yêu thích công việc chăm sóc cây trồng. Huy mơ ước sau này sẽ nghiên cứu tạo ra các hệ thống trồng cây giúp cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Theo em, bạn Huy phù hợp với ngành nghề nào sau đây?

- A. Kĩ sư trồng trọt. B. Kĩ sư chọn giống cây trồng.
C. Kĩ sư bảo vệ thực vật. D. Kĩ sư chăn nuôi.

Câu 9. Một trong những mục đích của việc cày đất là

- A. San phẳng mặt ruộng. B. Thuận lợi cho việc chăm sóc.

C. Làm tăng độ dày lớp đất trồng.

D. Bổ sung chất dinh dưỡng cho cây trồng.

Câu 10. Lên luống có tác dụng nào sau đây

A. Làm cho đất tối xốp.

B. Thuận lợi cho việc chăm sóc.

C. Chôn vùi cỏ dại.

D. San phẳng mặt ruộng.

Câu 11. Trong các quy trình dưới đây, đâu là thứ tự đúng khi làm đất trồng cây?

A. Cày đất → Bừa hoặc đập nhỏ đất → Lên luống.

B. Cày đất → Lên luống → Bừa hoặc đập nhỏ đất.

C. Bừa hoặc đập nhỏ đất → Cày đất → Lên luống.

D. Lên luống → Cày đất → Bừa hoặc đập nhỏ đất.

Câu 12. Công việc nào dưới đây được thực hiện trước khi bón phân lót

A. Cày đất.

B. Gieo hạt.

C. Tưới nước.

D. Trồng cây.

Câu 13. Hình bên minh họa cho hình thức gieo trồng nào sau đây.

A. Gieo bằng hạt.

B. Trồng bằng cây con.

C. Trồng bằng củ.

D. Trồng bằng đoạn thân.



Câu 14. Một trong những công việc chăm sóc cây trồng là

A. Gieo hạt, trồng cây con.

B. Bừa đất, san phẳng mặt ruộng.

C. Vun xới, làm cỏ dại.

D. Lên luống.

Câu 15. Một trong những công việc thường làm ngay sau khi trồng cây con là

A. Bón phân cho cây.

B. Làm cỏ dại.

C. Tưới nước đầy đủ.

D. Đào hố trồng cây.

Câu 16. Một trong những nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh là

A. Phòng là chính.

B. Ưu tiên sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học.

C. Phun thuốc với nồng độ cao hơn hướng dẫn sử dụng.

D. Phun thuốc với nồng độ thấp hơn hướng dẫn sử dụng.

Câu 17. Một trong những ưu điểm của biện pháp thủ công trong phòng trừ sâu hại cây trồng

C. Thu hoạch càng sớm càng tốt.

D. Thu hoạch khi có nhu cầu sử dụng.

Câu 18. Phương án nào sau đây không phải là một trong các phương pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt

A. Hái.

B. Nhổ.

C. Cắt.

D. Bỏ.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là một trong những yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt.

A. Thu hoạch đúng thời điểm.

B. Thu hoạch càng muộn càng tốt.

C. Thu hoạch càng sớm càng tốt.

D. Thu hoạch khi có nhu cầu sử dụng.

Câu 20. Trong nhân giống bằng phương pháp giâm cành, chọn cành giâm có đặc điểm nào sau đây?

A. Cành càng non càng tốt.

B. Cành bánh tẻ.

C. Cành càng già càng tốt.

D. Cành càng to càng tốt.

Câu 21. Việc sử dụng thùng xốp đã qua sử dụng để trồng rau an toàn có ý nghĩa nào sau đây?

A. Giúp cây nhanh lớn.

B. Hạn chế nguồn sâu bệnh.

C. Thuận lợi cho việc chăm sóc.

D. Bảo vệ môi trường.

Câu 22. Thành phần của đất trồng gồm:

- A. Phần lỏng, phần rắn và phân hữu cơ
- B. Phần lỏng, phần rắn và phân hóa học
- C. Phần lỏng, phần rắn và phân khí
- C. Phần lỏng, phần rắn và phân mềm

II. Tự luận

Câu 1. Em hãy đề xuất quy trình bón phân thúc cho một loại cây trồng em yêu thích, nêu rõ ý nghĩa (mục đích) của từng bước trong quy trình.

Câu 2. Nhà bạn Huy có trồng một số chậu hoa hồng. Sáng nay khi tưới nước cho cây Huy phát hiện đã có một vài ổ trứng của một loài sâu hại trên lá cây. Em hãy gợi ý giúp bạn Huy biện pháp phù hợp để vừa loại bỏ được sâu hại, vừa đảm bảo an toàn cho con người, không gây ô nhiễm môi trường và giải thích vì sao lại lựa chọn biện pháp đó.

Câu 3. Em hãy trình bày kỹ thuật giâm cành một loại cây trồng phổ biến ở địa phương em.

Câu 4. Em hãy so sánh ưu nhược điểm của biện pháp phòng trừ sâu bệnh thủ công và biện pháp hóa học

- C. neutron và electron. D. electron, proton và neutron
- Câu 7.** Các hạt cấu tạo nên hầu hết các nguyên tử là
 A. electron và neutron. B. proton và neutron.
 C. neutron và electron. D. electron, proton và neutron.
- Câu 8.** Hạt cấu tạo nên vỏ nguyên tử là
 A. electron. B. proton. C. neutron. D. proton và neutron.
- Câu 9.** Trong hạt nhân nguyên tử, hạt mang điện là
 A. electron. B. proton. C. neutron. D. proton và electron.
- Câu 10.** Trong nguyên tử, hạt mang điện là
 A. electron. B. electron và neutron. C. neutron. D. proton và electron.
- Câu 11.** Trong nguyên tử, hạt không mang điện là
 A. electron. B. electron và neutron. C. neutron. D. proton và electron.
- Câu 12.** Nguyên tử X có 19 proton. Số hạt electron của X là
 A. 17. B. 18. C. 19. D. 20.
- Câu 13.** Nguyên tử X có 11 proton và 12 neutron. Tổng số hạt trong nguyên tử X là
 A. 23. B. 34. C. 35. D. 46.
- Câu 14.** Số electron tối đa ở lớp electron thứ nhất là
 A. 1. B. 2. C. 3. D. 8.
- Câu 15.** Số electron tối đa ở lớp electron thứ hai là
 A. 1. B. 2. C. 3. D. 8.
- Câu 16.** Một nguyên tử có 9 proton trong hạt nhân. Nguyên tử đó có bao nhiêu lớp electron?
 A. 2. B. 1. C. 8. D. 9.
- Câu 17.** Nguyên tử X có 15 electron, nguyên tử X có số lớp electron là
 A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 18.** Nguyên tử X có tổng số hạt là 60. Biết số electron bằng 20. Số hạt neutron là
 A. 17. B. 18. C. 19. D. 20.
- Câu 19*.** Nguyên tố X có tổng các hạt cơ bản là 82. Hạt mang điện nhiều hơn hạt không mang điện là 22. Số hạt proton là
 A. 26. B. 28. C. 29. D. 30.
- Câu 20*.** Nguyên tố Y có tổng các hạt cơ bản là 93. Hạt mang điện nhiều hơn hạt không mang điện là 23. Số hạt electron là
 A. 23. B. 24. C. 29. D. 35.
- Câu 21:** Nguyên tố hóa học là tập hợp nguyên tử cùng loại có cùng
 A. số neutron trong hạt nhân. B. số proton trong hạt nhân.
 C. số electron trong hạt nhân. D. số proton và số neutron trong hạt nhân.
- Câu 22.** Cho thành phần các nguyên tử như sau: X (17p,17e, 16n), Y (20p, 19n, 20e), Z (17p,17e, 16 n), T (19p,19e, 20n). Có bao nhiêu nguyên tố hóa học?
 A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 23.** Kí hiệu biểu diễn nguyên tử chlorine là
 A. Cl. B. C. C. CL. D. cl.
- Câu 24.** Kí hiệu biểu diễn hai nguyên tử oxygen là
 A. 2O. B. O₂. C. O2. D. 2O.
- Câu 25.** Số thứ tự chu kì trong bảng hệ thống tuần hoàn cho biết

A. số thứ tự của nguyên tố.

B. số hiệu nguyên tử.

C. số electron lớp ngoài cùng.

D. số lớp electron.

Câu 26. Số thứ tự nhóm A trong bảng hệ thống tuần hoàn cho biết

A. số electron lớp ngoài cùng.

B. số lớp electron.

C. số hiệu nguyên tử.

D. số thứ tự của nguyên tố.

Câu 27. Trong bảng tuần hoàn, số chu kỳ nhỏ là

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

Câu 28. Nguyên tố X ở chu kỳ 3 nhóm IIIA, số hiệu nguyên tử của nguyên tố X là

A. $Z = 13$.

B. $Z = 10$.

C. $Z = 12$.

D. $Z = 11$.

Câu 29*. X và Y là hai nguyên tố thuộc cùng một chu kỳ và hai nhóm A liên tiếp. Số proton của nguyên tử Y nhiều hơn số proton của nguyên tử X. Tổng số hạt proton của nguyên tử X và Y là 23. Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Y thuộc chu kỳ 4.

B. X có 5 electron lớp ngoài cùng.

C. X là kim loại kiềm.

D. $Z_X = 12$.

Câu 30. Đơn chất là chất tạo nên từ

A. một chất.

B. một nguyên tố hoá học.

C. một nguyên tử.

D. một phân tử.

Câu 31. Từ một nguyên tố hoá học có thể tạo nên bao nhiêu đơn chất?

A. Chỉ 1 đơn chất.

B. Chỉ 2 đơn chất.

C. Một, hai hay nhiều đơn chất.

D. Không xác định được.

Câu 32. Hợp chất là chất tạo nên từ

A. hai nguyên tử trở lên.

B. một nguyên tố hoá học.

C. hai nguyên tố hóa học trở lên.

D. một phân tử.

Câu 33. Ở điều kiện thường, đơn chất có lớp electron ngoài cùng chứa 8 electron là

A. kim loại.

B. khí hiếm.

C. phi kim.

D. tất cả đơn chất.

Câu 34. Nguyên tử của các nguyên tố có xu hướng tham gia liên kết hóa học để đạt được lớp electron ngoài cùng giống

A. kim loại.

B. khí hiếm.

C. phi kim.

D. đơn chất.

Câu 35. Nguyên tử kim loại nhường electron sẽ trở thành

A. ion dương.

B. ion âm.

C. khí hiếm.

D. ion dương hoặc ion âm.

Câu 36. Nguyên tử phi kim nhận electron sẽ trở thành

A. ion dương.

B. ion âm.

C. khí hiếm.

D. ion dương hoặc ion âm

Câu 37. Liên kết ion được hình thành nhờ

A. lực hút tĩnh điện giữa các ion trái dấu.

B. lực hút tĩnh điện giữa các nguyên tử.

C. một hay nhiều cặp electron dùng chung. D. một hay nhiều cặp neutron dùng chung.

Câu 38. Liên kết cộng hóa trị được tạo nên giữa hai nguyên tử bằng

A. lực hút tĩnh điện giữa các ion trái dấu. B. lực hút tĩnh điện giữa các nguyên tử.

C. một hay nhiều cặp electron dùng chung. D. một hay nhiều cặp neutron dùng chung.

Câu 39. Nguyên tử O khi nhận thêm 2 electron thì tạo thành ion nào sau đây?

A. O^+ B. O^{2+} C. O^- D. O^{2-}

Câu 40. Nguyên tử K khi nhường đi một electron thì tạo thành ion nào sau đây?

A. K^+ B. K^{2+} C. K^- D. K^1

Câu 41. Biết S có hoá trị II, hoá trị của magnesium trong hợp chất MgS là

A. I. B. II. C. III. D. IV.

Câu 42. Cho: NO; N_2O_5 ; NH_3 . Hóa trị của N tương ứng trong các hợp chất là:

A. II, V, III. B. I, II, III. C. I, V, III. D. II, V, III.

Câu 43. Hợp chất của nguyên tố R với nguyên tố oxygen có dạng RO. Công thức hóa học của hợp chất tạo bởi nguyên tố R đó với nhóm phosphate (PO_4) (III) là

A. R_2PO_4 . B. $R_3(PO_4)_2$. C. $R_2(PO_4)_3$. D. RPO_4 .

Câu 44. Cho CTHH R_2O_3 . Biết khối lượng phân tử của R_2O_3 là 160 amu. R là nguyên tố hóa học

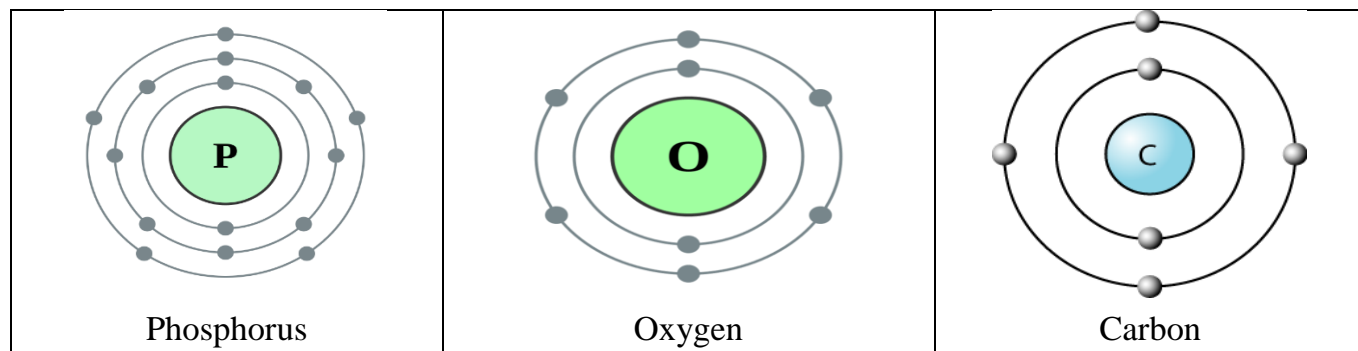
A. Fe. B. Cu. C. Al. D. Zn.

Câu 45. Hợp chất $Al_x(SO_4)_3$ có khối lượng phân tử là 342 amu. Giá trị của x là

A. 1 B. 3 C. 4 D. 2

IV. Một số câu hỏi tự luận để học sinh tham khảo luyện tập

Bài 1: Cho mô hình nguyên tử của các nguyên tố sau:



a. Xác định số đơn vị điện tích hạt nhân (Z)?

b. Cho biết vị trí (ô, chu kỳ, nhóm) của mỗi nguyên tố trong bảng tuần hoàn. Giải thích?

(Biết các nguyên tố trên đều thuộc nhóm A trong bảng tuần hoàn)

Bài 2: Tính phần trăm khối lượng của các nguyên tố trong: K_2O ; $MgCl_2$; $Ca(OH)_2$; NH_4NO_3

Bài 3: Lập công thức hóa học của hợp chất tạo bởi:

- sulfur (IV) và oxygen

- Calcium (II) và nhóm carbonate (CO_3) (II)

- Iron (III) và chlorine (I)

- Aluminium (III) và nhóm sulfate (SO_4) (II)

(Cho H=1; C=12; N=14; O=16; Mg=24; Al=27; S=32; Cl=35,5; K=39; Ca=40; Fe=56; Cu=64; Zn=65)

A. NỘI DUNG ÔN TẬP**Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng***Bài 1: Thiết bị vào – ra**Bài 2: Phần mềm máy tính**Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính***Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin***Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet***B. CẤU TRÚC ĐỀ THI**

50% trắc nghiệm (gồm 20 câu) và 50% tự luận

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP**I. TỰ LUẬN****Câu 1.** Em hãy cho biết máy ảnh nhập dữ liệu dạng nào vào máy tính?

- A. Con số
- B. Văn bản
- C. Hình ảnh
- D. Âm thanh.

Câu 2. Thiết bị nào xuất dữ liệu âm thanh từ máy tính ra ngoài?

- A. Máy ảnh
- B. Micro
- C. Màn hình
- D. Loa

Câu 3. Phần mềm nào sau đây không phải là một hệ điều hành?

- A. Windows 7
- B. Windows 10.
- C. Windows Explorer.
- D. Windows Phone.

Câu 4: Cách nào sau đây đổi tên thư mục?

- A. Kích chuột phải vào thư mục->chọn Cut
- B. Kích chuột phải vào thư mục->chọn Rename
- C. Kích chuột phải vào thư mục->Chọn Copy
- D. Kích chuột phải vào thư mục->Chọn Delete

Câu 5. Mật khẩu nào sau đây là mật khẩu mạnh nhất?

- A. 12345678
- B. AnMinhKhoa.
- C. matkhau
- D. 2n#M1nhKh0a.

Câu 6. Tệp có phần mở rộng .exe thuộc loại tệp gì?

- A. Không có loại tệp này.
- B. Tệp chương trình máy tính.
- C. Tệp dữ liệu của phần mềm Microsoft Word.
- D. Tệp dữ liệu video.

Câu 7. Đây là chương trình máy tính giúp em quản lý tệp và thư mục?

- A. Internet Explorer
- B. Help
- C. Microsoft Word
- D. File Explorer

Câu 8: Đây là phần mềm bảo vệ máy tính tránh được virus máy tính?

- A. BKAV Pro.
- B. Mozilla Firefox.
- C. Microsoft Windows.
- D. Microsoft Word.

Câu 9: Để xóa tệp, thư mục, ta chọn tệp/thư mục đó và

- A. Nhấn phím Insert trên bàn phím
- B. Home-> Copy
- C. Nhấn phím Delete trên bàn phím
- D. Home -> Paste

Câu 10: Tệp có phần mở rộng .exe thuộc loại tệp gì?

- A. Không có loại tệp này.
- B. Tệp chương trình máy tính.
- C. Tệp dữ liệu của phần mềm Microsoft Word.
- D. Tệp dữ liệu video.

Câu 11: Phần mở rộng của loại tệp “Tài liệu Word” nào sau đây đúng?

- A. Jpg; .bmp
- B. Doc; .Docx;
- C. htm; .html;
- D. sb; .sb2;

Câu 12: Tệp có phần mở rộng .jpg thuộc loại tệp gì?

- A. Không có loại tệp này
- B. Tệp chương trình máy tính
- C. Tệp dữ liệu ảnh
- D. Tệp dữ liệu Video

Câu 14A: Nên đặt mật khẩu tài khoản máy tính như thế nào?

A. Là tên mình hoặc tên người thân

C. Đặt là 123456789 cho dễ nhớ

B. Là ngày sinh nhật của mình

D. Mật khẩu gồm cả chữ, số, và kí tự đặc biệt

Câu 13. Để việc tìm kiếm dữ liệu trong máy tính được dễ dàng và nhanh chóng, khi đặt tên thư mục và tệp em nên:

A. Đặt tên theo ý thích như tên người thân hay tên thú cưng.

B. Đặt tên sao cho dễ nhớ và để biết trong đó có chứa gì.

C. Đặt tên giống như trong ví dụ của sách giáo khoa.

D. Đặt tên tùy ý, không cần theo quy tắc gì.

Câu 14B. Hãy chọn những phát biểu sai?

A. Lưu trữ bằng công nghệ đám mây tránh được rơi, mất, hỏng dữ liệu.

B. Lưu trữ bằng đĩa CD cần phải có đầu ghi đĩa nhưng dung lượng rất lớn.

C. Lưu trữ bằng đĩa cứng ngoài vừa nhỏ gọn vừa có dung lượng lớn.

D. Lưu trữ bằng thẻ nhớ, USB dễ bị rơi, mất dữ liệu nhưng thuận tiện.

Câu 15: Đâu không phải là một mạng xã hội

A. Zalo

B. Twitter

C. AVG

D. Instagram

Câu 16: Hãy chọn câu đúng trong các câu sau:

A. Bất cứ độ tuổi nào cũng có thể tham gia mạng xã hội.

B. Trên mạng xã hội có cả điều đúng và sai, cảnh giác khi giao tiếp qua mạng.

C. Tất cả các website đều là mạng xã hội.

D. Tất cả thông tin trên mạng xã hội đều chính xác.

Câu 17: Phương án nào sau đây không an toàn khi tham gia mạng xã hội?

A. Giữ an toàn thông tin cá nhân và gia đình.

B. Không được một mình gặp gỡ người mà em chỉ mới quen qua mạng.

C. Im lặng, không chia sẻ với gia đình khi bị đe dọa, bắt nạt qua mạng.

D. Không chấp nhận các lời mời vào các nhóm trên mạng mà em không biết.

Câu 18: Em hãy chỉ ra phương án không phải là lợi ích của mạng xã hội

A. Giải trí.

B. Tiếp nhận thông tin một cách nhanh chóng.

C. Dễ dàng tiếp cận thông tin nguy hiểm, hình ảnh bạo lực.

D. Kết nối với mọi người mà không cần gặp mặt.

Câu 19: Bạn của em nói cho em biết một số thông tin riêng tư không tốt về một bạn khác cùng lớp. Em nên làm gì?

A. Đăng thông tin đó lên mạng để mọi người cùng đọc.

B. Đăng thông tin đó lên mạng nhưng giới hạn chỉ để bạn bè đọc được.

C. Đi hỏi thêm thông tin, nếu đúng sẽ đăng lên mạng cho mọi người biết.

D. Bỏ qua không để ý vì thông tin đó có thể không đúng, nếu đúng thì cũng không nên xâm phạm vào những thông tin riêng tư của bạn.

Câu 20: Em nhận được tin nhắn và lời mời kết bạn trên Facebook từ một người mà em không biết. Em sẽ làm gì?

A. Chấp nhận yêu cầu kết bạn và trả lời tin nhắn ngay.

B. Nhắn tin hỏi người đó là ai, để xem mình có quen hay không, nếu quen thì mới kết bạn.

C. Vào Facebook của họ đọc thông tin, xem ảnh có phải người quen không, nếu phải thì chấp nhận kết bạn, không phải thì thôi.

D. Không chấp nhận kết bạn và không trả lời tin nhắn.

Câu 21. Đĩa cứng thuộc loại thiết bị nào?

- A. Thiết bị lưu trữ.
- B. Thiết bị ra.
- C. Thiết bị vừa vào vừa ra.
- D. Thiết bị vào.

Câu 22. Thao tác nào sau đây tắt máy tính một cách an toàn?

- A. Sử dụng nút lệnh Restart của Windows.
- C. Nhấn giữ công tắc nguồn vài giây.
- B. Sử dụng nút lệnh Shut down của Windows.
- D. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm.

Câu 23: Một bộ tai nghe có gắn micro sử dụng cho máy tính là loại thiết bị gì?

- A. Thiết bị vào.
- C. Thiết bị vừa vào vừa ra.
- B. Thiết bị ra.
- D. Không phải thiết bị vào – ra.

Câu 24: Em hãy cho biết micro nhập dữ liệu nào vào máy tính?

- A. Văn bản.
- C. Âm thanh.
- B. Hình ảnh.
- D. Con số.

Câu 25: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Người sử dụng xử lý những yêu cầu cụ thể bằng phần mềm ứng dụng.
- B. Để phần mềm ứng dụng chạy được trên máy tính phải có hệ điều hành.
- C. Để máy tính hoạt động được phải có phần mềm ứng dụng.
- D. Để máy tính hoạt động được phải có hệ điều hành.

Câu 26: Việc nào sau đây là chức năng của hệ điều hành?

- A. Sửa nội dung của sơ đồ tư duy.
- C. Sửa hiệu ứng của tệp trình chiếu.
- B. Sửa ngày giờ của máy tính.
- D. Sửa định dạng của bảng trong tệp văn bản.

Câu 27: Mật khẩu mạnh là mật khẩu chứa:

- A. Chữ cái hoặc chữ số
- C. Chữ cái hoặc chữ số hoặc kí tự đặc biệt
- B. Chỉ chứa chữ cái
- D. Chữ cái, chữ số và kí tự đặc biệt

Câu 28: Phương án nào sau đây chỉ gồm thiết bị vào?

- A. Micro, máy in
- C. Máy quét, màn hình
- B. Máy ảnh, loa
- D. Bàn phím, chuột

Câu 29: Việc nào sau đây là chức năng của hệ điều hành?

- A. Khởi động phần mềm đồ họa máy tính
- B. Vẽ hình ngôi nhà mơ ước của em
- C. Vẽ thêm cho ngôi nhà một cửa sổ
- D. Tô màu đỏ cho mái ngói

Câu 30: Chọn phương án sai

- A. Thông tin trên mạng là thông tin được chia sẻ cho tất cả mọi người nên em có thể sử dụng tùy ý
- B. Thông tin trên mạng có cả thông tin tốt và thông tin xấu, không nên sử dụng và chia sẻ tùy tiện
- C. Sử dụng và chia sẻ thông tin vào mục đích sai trái có thể phải chịu trách nhiệm trước pháp luật
- D. Đăng và chia sẻ thông tin giả, thông tin cá nhân của người khác, thông tin đe dọa, bắt nạt,... gây hậu quả cho người khác và chính mình là các ví dụ cụ thể về việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Nêu những việc Nên làm và không nên làm khi sử dụng máy tính.

Câu 2: Trình bày các biện pháp bảo vệ dữ liệu.

Câu 3: Hãy nêu những ảnh hưởng tiêu cực của mạng xã hội đến lối sống của giới trẻ hiện nay.

Câu 4: Phân biệt hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.

TRƯỜNG THCS THANH AM

Năm học 2023 - 2024

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I

Môn: Nghệ Thuật- Nội dung Âm nhạc 7

I. Ôn tập bài hát

- Bài hát: *Ước mơ mùa khai trường.*

- Bài hát: *Lí cây đa.*

II. Ôn tập: Bài đọc nhạc

- Bài đọc nhạc số 1

- Bài đọc nhạc số 2

I. Nội dung bài học

- Logo dạng chữ.
- Bìa sách với di sản kiến trúc Việt Nam

II. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố về các kiến thức: vẽ tranh trang trí

III. Hướng dẫn ôn tập

1. Lí thuyết

- Cách tạo Logo?
- Các bước vẽ và trang trí bìa sách?

2. Thực hành

- Logo dạng chữ.
 - + Hình thức: vẽ tranh
 - + Bố cục: hợp lí
 - + Màu sắc: chọn màu sắc phù hợp
 - + Có tính thẩm mĩ
- Bìa sách với di sản kiến trúc Việt Nam
 - + Hình thức: thực hành vẽ
 - + Bố cục: hợp lí
 - + Hình vẽ: vẽ đẹp, có trang trí
 - + Màu sắc: tươi sáng
 - + Có tính thẩm mĩ

3. Yêu cầu thực hành

Thực hành trên khổ giấy A4

TRƯỜNG THCS THANH AM

NĂM HỌC 2023 - 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Giáo dục thể chất

KHỐI 7

I. Nội dung ôn tập.

- Chủ đề: Chạy cự li ngắn (60m)

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m) và hoàn thành cự li.

Ban giám hiệu

Kí duyệt

Lê Thị Ngọc Anh